

BÀI VIẾT NLVH NĂNG CAO

Nhân vật là hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học, được nhà văn sáng tạo, hư cấu từ bức tranh hiện thực cuộc sống, mang đậm dấu ấn chủ quan của nhà văn. Trong bài viết này, Thích Văn học sẽ cùng các bạn tìm hiểu nhân vật *lão Hạc* trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao – một người nông dân nghèo nhưng giàu lòng tự trọng, nhân hậu và đầy tình yêu thương con. Để từ đó, ta thấy rõ tài năng của Nam Cao trong việc xây dựng hình tượng nhân vật mang chiều sâu hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc.

Đề bài

Bertolt Brecht từng khẳng định: *“Các nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật không phải đơn giản là những bản dập của những con người sống, mà là hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ, tư tưởng của tác giả”*.

Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao để làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài làm

Trong sách “Sáng thế”, hình ảnh con người được tạo ra mang đầy tính biểu tượng. Thoạt tiên, Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra hình hài con người. Hình nhân ấy đã có đầy đủ các giác quan, đã có thể xác tròn vẹn song lại vô hồn, vô cảm. Thấy vậy, Đấng tạo hóa liền thổi sinh khí vào lỗ mũi của sinh vật, trao ban cho chúng sự sống. Từ đây, con người được tạo sinh. Với những người ngoại đạo, câu chuyện gợi đến triết lý nhân sinh nhiều hơn ý niệm về tôn giáo. Còn khi nghĩ về văn chương, về những nhà văn, nhà thơ, câu chuyện này có lẽ như một lời nhắc nhở về hành trình sáng tạo nghệ thuật đầy gian truân và thử thách. Người cầm bút cũng là “đấng tạo hóa” trong thế giới của riêng mình. Nhân vật họ tạo ra không phải là xác ướp vô cảm, hình nhân khô khan mà chính là hình tượng nghệ thuật đã được “thổi sinh khí”, thấm đượm ý đồ, tư tưởng của người viết. Nhà thơ người Đức Bertolt Brecht, vì thế, đã từng khẳng định: *“Các nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật không phải đơn giản là những bản dập của những con người sống, mà là hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ, tư tưởng của tác giả”*. Nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao là một minh chứng xác đáng.

Nhân vật là hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học, được nhà văn sáng tạo, hư cấu từ bức tranh hiện thực cuộc sống, mang đậm dấu ấn chủ quan của nhà văn. Nhân vật trong tác phẩm có khi là con người có tên hoặc không tên, có khi là một loài vật, một đồ vật nào đó. *“Bản dập của những con người sống”* là sự sao chép y đúc khuôn mẫu từ con người thực, như những tiêu bản, như ảnh chụp, không có sự sáng tạo, cách tân, làm mới. *“Các nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật không phải đơn giản là những bản dập của những con người sống”*, tức là, dù lấy chất liệu và

được gọi hứng từ những con người có thực, nhân vật trong tác phẩm văn học không phải là một sự quy chụp, sao chép máy móc đơn thuần, không bê nguyên si hình mẫu vào tác phẩm mà có sự sáng tạo, biến hóa nhất định. Nó là *“hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ, tư tưởng của tác giả”*, đồng nghĩa với việc những con người sống khi bước vào thế giới của văn chương đã được làm mới, được nhào nặn, tái tạo, biến đổi phù hợp với mong muốn của người cầm bút. Những hình tượng ấy không đơn giản mà chất chứa những suy tư, trăn trở, những rung động, lí giải, nhận thức của nhà văn về cuộc đời. Như vậy, nhận định của Bertolt Brecht đã khẳng định đặc trưng quan trọng của nhân vật trong tác phẩm văn học: Nhân vật không phải là sự sao chép y nguyên con người sống mà là sự sáng tạo của nhà văn. Nhân vật là nơi để nhà văn bộc lộ những suy tư, trăn trở, thể hiện những rung động, xúc cảm trước cuộc đời, qua đó gửi đến bạn đọc những thông điệp nhân sinh sâu sắc.

Nhân vật là linh hồn của tác phẩm truyện, là nhân tố chính giữ vai trò quyết định nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Nguyễn Đình Thi cho rằng *“Người viết tiểu thuyết nghĩ mọi vấn đề phải thông qua nhân vật, xuất phát từ nhân vật hơn là từ sự việc. Một cuốn tiểu thuyết có viết được hay không là ở chỗ nó có tạo ra được nhân vật làm cho bạn đọc nhớ được hay không”*. Như thế, một tác phẩm hay hay dở, cổ nhiên có nhiều yếu tố, nhưng nhân vật mà mờ nhạt, đơn điệu, nhàm chán thì không thể là tác phẩm hay. Một tác phẩm văn học giá trị phải được tạo nên từ hệ thống nhân vật tiêu biểu, có sức chứa lớn. Bởi, nhân vật là phương tiện để nhà văn phản ánh hiện thực, là phương thức cơ bản để nhà văn miêu tả thế giới. Thực chất, nhân vật chính là hệ quy chiếu, là lăng kính để nhà văn thể hiện góc nhìn đời sống của riêng mình. Nhân vật trong tác phẩm tốt hay xấu, yếu đuối hay mạnh mẽ, xấu xí như ma như quỷ hay đẹp như thần như tiên,... đều phản ánh một phần nào đó cái nhìn của nhà văn về hiện thực. Vì thế, nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực. Hình tượng nhân vật chính là yếu tố kết tinh những quy luật của cuộc sống nhân sinh, thể hiện những hiểu biết, những ước ao và kì vọng về con người. Song quan trọng nhất, nhân vật là phương tiện để nhà văn thể hiện tư tưởng, tình cảm của riêng mình. Tư tưởng, tình cảm, thái độ của nhà văn là một khoảng trống, khoảng trắng, một điểm chưa xác định. Khi viết tác phẩm, người cầm bút ít khi phát biểu trực tiếp tư tưởng, tình cảm, thái độ của mình mà gửi gắm vào hình tượng nhân vật, từ đó làm sáng tỏ tư tưởng, chủ đề của tác phẩm. Vì vậy, nhân vật chính là cỗ xe chuyên chở tâm hồn người viết, thể hiện tâm tư, ước vọng của tác giả. Do ảnh hưởng bởi góc nhìn chủ quan như thế nên nhân vật trong tác phẩm văn học không bao giờ trùng khít với nguyên mẫu ngoài đời sống. Dù có được gọi hứng từ một cá nhân nào đó trong thực tiễn và bắt nguồn từ một sự kiện có thật, không bao giờ người ta thấy một sự sao chụp nào tuyệt đối, không bao giờ người ta thấy hình tượng văn học dập khuôn con người như cách mà máy ảnh vận hành. Trong văn chương, không có dây chuyền sản xuất hàng loạt. Sự phủ định này là điều tất yếu để bảo toàn tính sáng tạo, độc đáo của văn học.

Nam Cao là nhà văn hiện thực phê phán trước Cách mạng và được xem là một trong những cây bút tiêu biểu nhất của thế kỉ XX. Trong gia tài văn chương của mình, ông đã để lại những sáng tác vô giá, những kiệt tác bất hủ truyền đời mà truyện ngắn *Lão Hạc* là một trong số đó. Nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm là hình tượng tiêu biểu về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của tác giả

Lão Hạc là hình tượng nhân vật kết tinh tư tưởng của Nam Cao, thể hiện trái tim nhân đạo vĩ đại của nhà văn trước số phận của những người nông dân. Nghĩ về lão Hạc, trước nhất là thấy được sự đồng cảm, chia sẻ của tác giả khi thấu hiểu được hoàn cảnh trớ trêu, gian khổ của giai cấp nông dân trước Cách mạng tháng Tám. *“Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình”*, chỉ có cậu Vàng làm bạn. Lão đã già nhưng phải chịu một cuộc sống hiu quạnh, cô độc, không có người chăm sóc, không có con cháu bầu bạn, chỉ còn có một con chó để tâm sự bao nỗi muộn phiền. Ngặt nhất là lão nghèo, cái nghèo thấm thía gây nên bao nỗi bi kịch của đời người. Vì nghèo, con trai lão không có tiền cưới vợ, phần chí *“ra tỉnh đến sở mộ phụ, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su”*, không biết ngày trở về. Vì nghèo, *“rồi lại bão, hoa mầu bị phá sạch sành sanh”*, sau một trận ốm lão chẳng làm ăn được gì, *“một lão với một con chó mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dặt”*. Thậm chí có những ngày, *“...lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc.”* Những bữa ăn vốn đã vạ vật, túng thiếu, lại cứ vơi đi, bớt dần, ít dần theo thời gian làm ta thấm thía biết bao nỗi cơ cực, nghèo khổ đến bước đường cùng của lão Hạc. Những hình ảnh tăng tiến như đang nhân thêm nỗi cay đắng của kiếp người bị cái đói, cái nghèo dồn đến tận bờ sát góc. Cũng chính vì đói, vì khổ, lão bị dồn ép vào một tình thế bắt buộc phải đưa ra lựa chọn đầy thử thách và đau đớn: bán cậu Vàng, đổi lấy năm đồng bạc ít ỏi để xoay sở vốn liếng. Dường như, những đe dọa của cuộc sống mưu sinh đã đẩy con người ta đến những cảnh huống thật lảm tréo ngoe, bất hạnh, phải làm những điều mình ghét, thậm chí trở thành con người mà mình hằng khinh rẻ, phỉ báng. Lão bán cậu Vàng, tức là lão đã lừa dối, phản bội con vật trung thành, lão đã hành động trái với bản tính thuần hậu thường ngày của lão. Nhưng biết làm thế nào khi đời sống cứ ngày một khó khăn thêm, lão biết sống ra sao khi đã thành ra khánh kiệt, nghèo túng, không còn gì để duy trì sự sống! Nghèo khổ, lão Hạc bán chó. Nghèo khổ, ông giáo bán mấy quyển sách quý hơn vàng. Và cũng vì nghèo khổ mà chị Dậu trong *“Tắt đèn”* của Ngô Tất Tố cũng phải dứt ruột bán chó, bán con. Thế mới thấy, cái nghèo đã trở thành nỗi ám ảnh ghê gớm, nỗi lo lắng thường trực, là vấn đề sống còn của người nông dân trước Cách mạng. Thực tế, họ lao nhọc vất vả mà cuộc sống cứ hiu hắt, quẩn quanh, cơ cực. Hoàn cảnh sống của lão Hạc, do đó không phải là số phận cá nhân mà là mẫu số chung của thời đại, là hình ảnh mang tính chất điển hình. Viết về con người với tất cả nỗi trăn trở, suy tư, nhà văn hiện thực Nam Cao đã xây dựng hình tượng lão Hạc với ý đồ nghệ thuật riêng, vừa tái hiện

một mảnh ghép của đời sống, vừa ý nhị thể hiện sự cảm thông, xót xa của mình trước số phận con người.

Thế nhưng, vượt lên trên tất cả những khổ đau và túng quẫn ấy, trong lão Hạc vẫn sáng lên những phẩm chất đáng quý, những nét đẹp của một tâm hồn lương thiện và giàu tình thương. Hình tượng nghệ thuật đã thấm đượm tư tưởng, tình cảm của tác giả. Bên cạnh nỗi đau đớn, xót xa cho thân phận người, Nam Cao cũng hết sức đề cao, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của họ. Lão Hạc là hình tượng nhân vật kết tinh đầy đủ và sâu sắc vẻ đẹp phẩm chất đáng quý của người nông dân. Trước hết, lão là một người cha rất mực thương con. Lão luôn day dứt, khắc khoải vì không thể cho đứa con trai duy nhất của mình một mái nhà, được yên bề gia thất. Còn gì đau đớn hơn nỗi bất lực của người cha khi không đủ sức dựng vợ gả chồng cho con vì nghèo khổ? Mà đó lại là chuyện hệ trọng của cả đời người! Nỗi khắc khoải vì chưa làm tròn bổn phận đã giày vò lão nông ấy nhiều lắm, nên mỗi khi nghĩ về con *“lão rân rân nước mắt”*, *“lão thương con lắm”*, lúc nào cũng mong ngóng thư của con từ nơi xa gửi về. Thương con, lão thương cả con chó mà con đã để lại. Lão chăm sóc nó, trò chuyện cùng nó, *“lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự”*. Nỗi cô đơn khi tuổi già đã đến mà vẫn không có điểm tựa, nỗi nhớ vô biên với người con nơi xa đều được giải tỏa trong những cuộc trò chuyện thân tình của lão Hạc với cậu Vàng. Đỉnh điểm nhất, ngay cả trong cơn nguy khốn bữa được bữa mất, cuộc sống lay lắt, vạ vật sau một trận ốm nặng, lão vẫn quyết chịu kham khổ để thu vén, dành dụm, để lại mảnh vườn cho con. Đức hi sinh của bậc làm cha, làm mẹ xưa nay đã trở thành một phẩm chất thâm căn cố đế, không gì lay chuyển. Ở lão Hạc, biểu hiện của đức hi sinh đã đạt đến ngưỡng cao nhất, hi sinh cả mạng sống của mình để đem lại hạnh phúc sau này cho con, dù người con lúc này vẫn biệt tăm biệt tích không biết ngày trở về. Cái chết dữ dội, đau đớn, vật vã trên chiếc giường cũ đã là minh chứng tố tường nhất cho một tình yêu vô biên, để chính ông giáo trong nỗi xúc động, ngậm ngùi cũng muốn nhắn nhủ tới người con ở xa rằng: *“Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn: cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”*.

Cùng với tình yêu thương con, ở lão Hạc còn tỏa sáng vẻ đẹp của một con người có ý thức cao độ về lòng tự trọng. Sống trong đói nghèo, con người ta rất dễ bị tha hóa, trở nên bần tiện đi, sống mòn ra, rỉ đi, không còn giữ được thiên lương trong sáng. Nhưng lão Hạc, dù trong tận cùng của cái đói, cái khổ vẫn giữ trọn được lòng tự trọng, ý thức rõ ràng về giá trị của mình. Túng thiếu, bần cùng nhưng lão từ chối mọi sự giúp đỡ từ ông giáo với thái độ gần như là “hách dịch”. Mà thực có phải “hách dịch” gì! Đó chỉ là một người tự trọng không muốn phiền lụy đến người khác đấy thôi! Bởi *“lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão”*, lão hiểu khi giúp lão thì ông giáo cũng khó xử với vợ con, vì nhà ông giáo cũng chẳng khá giả gì cho cam, cũng khó khăn lắm, đói khổ lắm. Hiểu được như thế tức là con người biết nghĩ và biết giữ sự tự trọng trong mình. Quan trọng nhất, trước khi ra đi, người cố nông nghèo còn gửi tiền cho ông giáo để lo ma chay cho mình và không muốn phiền lụy đến hàng xóm. Một người ngay cả đến cái chết của mình cũng đã chu tất xong xuôi, không dám

phiền hà đến ai, thì ấy hẳn phải là một người rất trọng danh dự. Lão khổ cực nhưng không cho phép mình sống dựa, sống nhờ; lão thà chịu đói, chịu khổ chứ nhất quyết không nhận sự bố thí, không để ai phải vì mình mà bận lòng. Cái chết của lão, xét đến cùng, cũng là một cách giữ gìn nhân phẩm, một sự lựa chọn đau đớn nhưng đầy kiêu hãnh của người nông dân già cả, hiền lành, trung thực. Chính lòng tự trọng ấy khiến tình thương con của lão càng trở nên cảm động: lão chọn cái chết để giữ trọn mảnh vườn cho con, để khi trở về, con không phải xấu hổ vì cha mình đã đánh mất danh dự. Ở lão Hạc, tình yêu thương con và lòng tự trọng hòa quyện, tạo nên vẻ đẹp trong sáng, cao quý của một tâm hồn Việt Nam chân chất và nhân hậu. Xây dựng hình ảnh lão Hạc với những phẩm chất cao đẹp như vậy, Nam Cao đã thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn đáng quý bên trong mỗi con người. Đồng thời, khi tập trung bút lực vào việc miêu tả cái chết đầy đau đớn của lão Hạc, Nam Cao dường như còn muốn nói thêm một điều gì khác. Lão không chết vì tuổi già, lão không chết vì bệnh tật, cái chết của lão trái với quy luật của tự nhiên, vì lão đã ép mình phải chết. Mà cái gì đi ngược lại với tự nhiên thì thường vô cùng khốc liệt và đau đớn! Cái chết của lão nông ấy thực sự rất ám ảnh, đó không phải là một cái chết nhẹ nhõm mà là cái chết gân guốc, vật vã, bất ngờ, đau đớn *“Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết.”* Cái chết ấy mang ý nghĩa tố cáo xã hội sâu sắc. Chính xã hội phong kiến nửa thực dân đã đẩy con người đến bước đường cùng, phải lựa chọn cái chết để bảo toàn lòng tự trọng, phải lựa chọn cái chết để giải thoát cho chính mình. Hình ảnh lão Hạc, do đó, đã kết tinh trọn vẹn tư tưởng nhân đạo vĩ đại của nhà văn hiện thực phê phán thế kỉ XX.

Truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao là minh chứng tiêu biểu, khẳng định tính đúng đắn trong quan điểm của B.Brecht. Nam Cao không xây dựng hình tượng lão Hạc như những hình nhân vô hồn, tồn tại chỉ để kể chuyện, mà nhân vật góp phần thể hiện tiếng nói, tư tưởng, trăn trở của nhà văn. Lão Hạc là kết tinh của tình thương, của lòng tự trọng, của nỗi đau thân phận con người trong xã hội cũ, ông giáo là hiện thân cho cái nhìn nhân đạo, cho niềm day dứt và xót xa của người trí thức trước kiếp người nhỏ bé. Mỗi nhân vật đều mang trong mình một phần tâm hồn Nam Cao, là nơi ông gửi gắm những suy tư sâu sắc về nhân phẩm, về thiên lương và giá trị làm người giữa bùn lầy đói khổ. Chính vì được thổi vào hơi thở của tư tưởng và tình cảm ấy mà lão Hạc trở thành một hình tượng sống động, ám ảnh, khiến người đọc không chỉ xúc động mà còn day dứt, không ngừng chất vấn, suy ngẫm về giá trị thực sự của con người.

Nhận định của B.Brecht đã khẳng định một yêu cầu cốt lõi trong sáng tác nghệ thuật: nhân vật văn học không chỉ là cái bóng phục vụ cốt truyện, mà phải là linh hồn mang tư tưởng của nhà văn. Người sáng tác chân chính không nên tạo ra những hình tượng vô hồn, đơn chiều như những ma-nơ-canh rập khuôn, mà cần khắc họa nhân vật như những con người sống động, có cá tính, nội tâm, suy nghĩ và xung đột

riêng. Mỗi nhân vật phải là sự kết tinh của cái nhìn nhân sinh, tâm hồn, tài năng của người viết. Vì thế, người sáng tác cần luôn trăn trở, đào sâu vào bản chất con người, tích cực quan sát thực tiễn và học hỏi từ trường học cuộc sống. Với người tiếp nhận văn học, nhận định của Brecht gợi mở cách đọc một tác phẩm. Khi tiếp nhận văn học, người đọc không chỉ là tiếp cận cốt truyện, tình huống, chi tiết mà còn khám phá tư tưởng, triết lý sống ẩn sau từng nhân vật. Đồng thời, độc giả cũng cần giữ được sự nhạy bén và phản biện, để từ những gì nhân vật thể hiện có thể rút ra bài học cho chính mình, từ đó hiểu hơn về con người, về bản thân, và về thế giới mình đang sống.

Quá trình sáng tạo là một hành trình gian truân và vất vả, Nguyễn Khải thậm chí đã ví nó như quá trình luyện ngọc, *“Tác phẩm được hình thành, hình tượng được tạo ra lung linh ánh sáng của ngọc quý. Nhưng nếu tinh ý, ta có thể nhìn thấy máu, thấy nước mắt, thấy niềm vui và nỗi buồn của người thợ kì tài”*. Quả là *“ngọc bất trác bất thành khí”*! Chất liệu đời sống giống như chất ngọc thô. Chỉ khi được mài giũa qua lao động nghệ thuật đầy khổ luyện, qua những va đập, suy tư, và rung động của trái tim người nghệ sĩ, viên ngọc ấy mới thật sự tỏa sáng. Chính từ những “chất ngọc” được mài giũa bằng tâm huyết ấy, văn chương mới thật sự trở thành thứ ánh sáng diệu kỳ, soi rọi và thanh lọc tâm hồn con người.